

**Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI**

# **HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG CAMPUCHIA**

**Người liên hệ:** Nguyễn Nam  
**Tel:** 04.35742022 (máy lẻ 247)  
**Email:** [namn@vcci.com.vn](mailto:namn@vcci.com.vn)

**3.2020**



## HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG CAMPUCHIA

### MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	2
1. Các thông tin cơ bản .....	2
2. Lịch sử .....	3
3. Du lịch:.....	3
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ .....	4
1. Tổng quan: .....	4
2. Các chỉ số kinh tế:.....	5
3. Những điểm mạnh của Campuchia và những lý do nên đầu tư vào Campuchia. ....	7
4. Về một số hạn chế trong việc đầu tư kinh doanh tại Campuchia và những nỗ lực hiện tại của Chính phủ để khắc phục những hạn chế này.....	8
III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM: .....	9
1. Văn bản đã ký kết: .....	9
2. Hợp tác Thương mại .....	9
3. Tình hình đầu tư:.....	11
4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới: .....	11
3. Tập quán Kinh doanh:.....	12
IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM.....	13
1. Quan hệ ngoại giao: .....	13
2. Quan hệ chính trị:.....	13
V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI.....	14
VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	14

### PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Campuchia

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Campuchia



## I. GIỚI THIỆU CHUNG



### 1. Các thông tin cơ bản

<b>Tên đầy đủ:</b>	Vương quốc Campuchia (Cambodia)
<b>Thể chế chính phủ:</b>	Dân chủ đa đảng dưới chế độ quân chủ lập hiến
<b>Thủ đô:</b>	Phnom Penh
<b>Ngày quốc khánh:</b>	9 tháng 11 năm 1953
<b>Đứng đầu nhà nước:</b>	Quốc vương Norodom Sihamoni (từ 2004)
<b>Đứng đầu chính phủ:</b>	Thủ tướng Hun Sen (từ 1985)
<b>Thành viên của các tổ chức quốc tế:</b>	ADB, ARF, ASEAN, EAS, FAO, G-77, IBRD, ICAO, ICCt, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCs, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO (subscriber), ITU, MIGA, NAM, OIF, OPCW, PCA, UN, UNCTAD, UNESCO, UNIDO, UNMIS, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO.
<b>Diện tích:</b>	181,035 km <sup>2</sup>
<b>Khí hậu:</b>	nhiệt đới gió mùa.
<b>Tài nguyên:</b>	dầu, khí đốt, gỗ, đá quý, quặng, khí đốt, mangan, phốt phát
<b>Dân số:</b>	17 triệu
<b>Tuổi trung bình:</b>	26.4 tuổi
<b>Dân tộc:</b>	Khmer 90%, Việt Nam 5%, Trung Quốc 1%, dân tộc khác 4%
<b>Tôn giáo:</b>	Phật giáo 96.4%, Đạo hồi 2.1%, các đạo khác 1.5%
<b>Tỉ giá với USD:</b>	riels (KHR) USD – 4.05 (2017); 4,066 (2016); 4,067.8 (2015); 4,067 (2014); 4,037 (2013); 4,033 (2012); 4,085.9 (2011)
<b>Ngôn ngữ:</b>	Khmer (chính thức), tiếng Anh, tiếng Pháp



## 2. Lịch sử

Vương quốc Khơ-me ra đời vào cuối thế kỷ thứ 9 trên lãnh thổ của Phù-nam và Chân-lạp trước đây. Kinh đô lúc đó là Angkor. Từ cuối thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ 13, Vương quốc Khơ-me phát triển cực thịnh. Từ thế kỷ 13 đến nửa đầu thế kỷ 19, các cuộc nội chiến và chinh phục của ngoại bang đã làm cho Vương quốc Khơ-me suy yếu.

Ngày 17/4/1975, Pol Pot lật đổ chế độ Cộng hoà của Lon Nol, thành lập nước "Campuchia dân chủ", thực hiện chế độ diệt chủng tàn khốc nhất trong lịch sử của Campuchia.

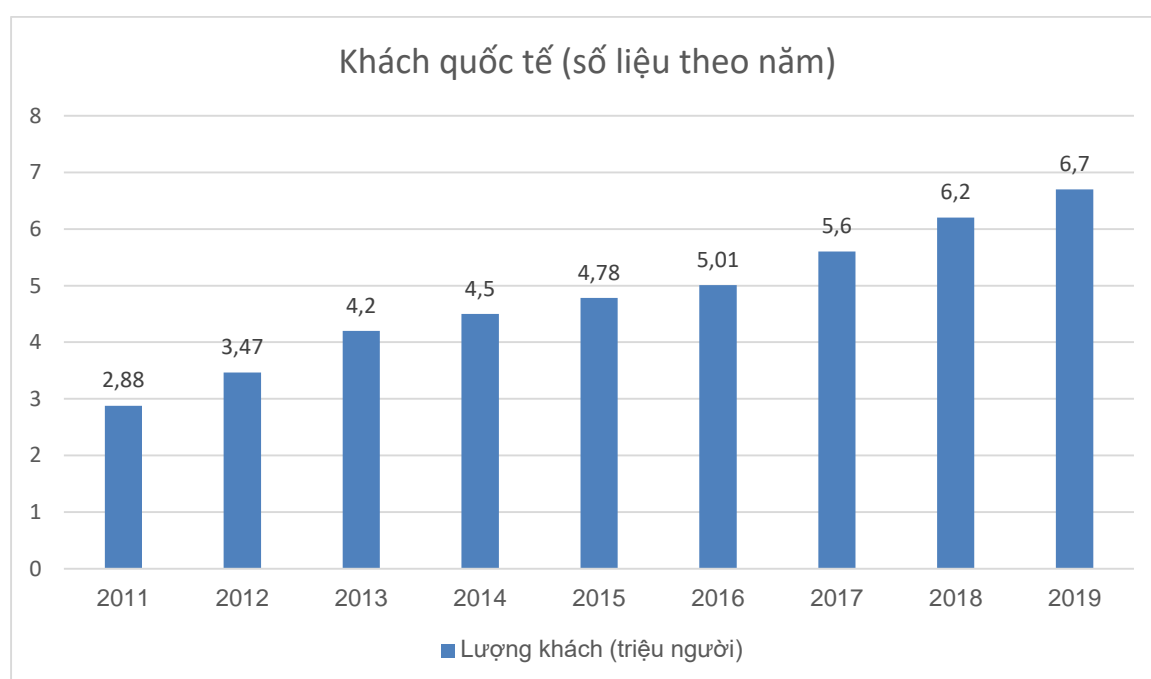
Ngày 2/12/1978, Mặt trận giải phóng dân tộc Campuchia ra đời do ông Heng Samrin làm Chủ tịch. Ngày 07/1/1979, với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, nhân dân Campuchia đã đứng lên lật đổ chế độ diệt chủng Pol Pot-Iêng Xary, thành lập nước "Cộng hoà Nhân dân Campuchia", năm 1989 đổi thành "Nhà nước Campuchia" (SOC).

Ngày 6/10/2004, Quốc vương Sihanouk tuyên bố thoái vị; ngày 14/10/2004, Hội đồng Ngôi Vua bầu Hoàng tử Norodom Sihamoni làm Quốc vương mới. Ngày 29/10/2004, Quốc vương Sihamoni chính thức đăng quang.

## 3. Du lịch:

Năm 2019, Campuchia đón 6.7 triệu lượt khách quốc tế đến thăm, tăng 8% so với năm 2018. Trung Quốc là quốc gia có lượng khách đến thăm nhiều nhất, chiếm khoảng 38% tổng số lượng khách. <https://www.khmertimeskh.com/50677162/tourist-arrivals-forecasts-continued-growth-in-2020/>

### Số liệu về du lịch Campuchia các năm trước đây:





## II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

### 1. Tổng quan:

Campuchia là nước nông nghiệp (58% dân số làm nghề nông, nông nghiệp cũng chiếm tới gần 40% GDP của nước này), phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên; có nhiều tài nguyên quý hiếm như đá quý, hồng ngọc, vàng, gỗ. Angkor Wat được xếp là một trong số các kì quan nổi tiếng của thế giới. Nền công nghiệp của Campuchia còn yếu kém.

Chính phủ Campuchia đề ra Kế hoạch Phát triển Chiến lược Quốc gia 2006-2010 (NSDP) và Chiến lược Tứ giác... đã thu được thành tựu đáng kể. Nền kinh tế Campuchia thoát khỏi tình trạng suy thoái, trì trệ. Kinh tế vĩ mô ổn định, tiếp tục giữ được mức tăng trưởng cao trên dưới 10% năm (năm 2004 là 11,7%, năm 2005 đạt 13,4%, năm 2006 đạt 10,6%, năm 2007 đạt 9,6%). Do khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới, kinh tế Campuchia năm 2008 cũng bị ảnh hưởng: Lạm phát lên tới trên 20%, GDP năm 2008 chỉ tăng 5%. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2009 xuống mức âm 2%.

Chính phủ Campuchia đang nỗ lực triển khai nhiều biện pháp nhằm giảm tỷ lệ lạm phát, tăng cường khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp, trợ giá nhiên liệu và tăng dự trữ của các ngân hàng, giảm thuế hàng hóa, dỡ bỏ một số rào cản trong cạnh tranh thương mại, kể cả mở cửa để hàng hóa trong nước tự do cạnh tranh với các sản phẩm của các tập đoàn kinh tế lớn. Chính phủ Campuchia đang nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động thăm dò và khai thác dầu mỏ và quặng, nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào lĩnh vực dệt may và du lịch.

Kể từ năm 2004, hàng may mặc, xây dựng, nông nghiệp và du lịch đã giúp Campuchia tăng trưởng mạnh. GDP tăng ít nhất 7%/năm từ năm 2011 đến năm 2015. Ngành công nghiệp dệt may và giày dép tạo công ăn việc làm cho khoảng 600,000 người, chủ yếu là nữ. Ngoài ra, khoảng 500,000 người hiện đang làm việc trong lĩnh vực du lịch, hơn 50,000 người trong lĩnh vực xây dựng. Ngành du lịch tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ mức hơn 2 triệu khách vào năm 2007 lên mức 4.78 triệu khách vào năm 2015. Khai khoáng cũng là ngành thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài khai thác quặng boxit, vàng, sắt và đá quý.

Cambodia vẫn là một trong những quốc gia nghèo nhất trong Châu Á, phát triển kinh tế khó khăn do tham nhũng, học thức còn hạn chế, khoảng cách giàu nghèo lớn, hạ tầng cơ sở ở một số vùng còn rất kém.

Chính phủ Campuchia đang làm việc với nhiều tổ chức tài trợ song phương và đa phương, bao gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới và IMF, để giải quyết nhiều nhu cầu cấp thiết của đất nước; hơn 30% ngân sách chính phủ xuất phát từ các tổ chức tài trợ quốc tế. Một



thách thức lớn về kinh tế cho Campuchia trong thập kỷ tiếp theo là việc thay đổi môi trường kinh doanh trong đó khu vực tư nhân có thể tạo ra đủ việc làm để xử lý sự mất cân bằng dân số của Campuchia.

Xuất khẩu hàng dệt may, chiếm 68% tổng xuất khẩu năm 2017, đã thúc đẩy sự tăng trưởng của Campuchia trong những năm gần đây. Ngành dệt may phụ thuộc vào xuất khẩu sang Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu, và sự phụ thuộc vào lợi thế so sánh của Campuchia đối với sản xuất hàng dệt may là một yếu tố dễ tổn thương đối với nền kinh tế, đặc biệt là vì Campuchia tiếp tục thâm hụt tài khoản vãng lai khoảng 9% GDP kể từ Năm 2011.

## 2. Các chỉ số kinh tế:

Stt	Các chỉ số	Thống kê theo tần suất	Thời điểm có số liệu	Số liệu
1	Tỷ giá - Currency	Ngày	01/03/2020	4030
2	Tốc độ tăng trưởng GDP - GDP Annual Growth Rate (%)	Năm	01/12/2018	7.5
3	Tỷ lệ thất nghiệp - Unemployment Rate (%)	Năm	01/12/2017	0.1
4	Tỷ lệ lạm phát - Inflation Rate (%)	Tháng	01/12/2019	3.07
5	Tỷ lệ Lãi suất - Interest Rate (%)	Ngày	01/02/2020	1.46
6	Nợ chính phủ so với GDP - Government Debt to GDP (%)	Năm	01/12/2018	29.4
7	Thuế thu nhập cá nhân - Personal Income Tax Rate (%)	Năm	01/12/2019	20
8	Số người bị nhiễm - Coronavirus Cases (Persons)	Ngày	01/03/2020	96
9	Số người chết vì Virus Corona - Coronavirus Deaths (Persons)	Ngày	01/03/2020	0
10	Số người đã được chữa khỏi - Coronavirus Recovered (Persons)	Ngày	01/03/2020	10



### 3. Xuất khẩu

#### a. Thị trường Xuất khẩu chính

TT	Campuchia nhập khẩu chính từ các thị trường	Giá trị (Triệu USD)	Số liệu năm
1	<u>United States</u>	2,150	2016
2	<u>United Kingdom</u>	953	2016
3	<u>Germany</u>	904	2016
4	<u>Japan</u>	827	2016
5	<u>Canada</u>	655	2016
6	<u>China</u>	609	2016
7	<u>Thailand</u>	419	2016
8	<u>Spain</u>	405	2016
9	<u>Belgium</u>	397	2016
10	<u>France</u>	363	2016
11	<u>Netherlands</u>	300	2016
12	<u>Vietnam</u>	229	2016
13	<u>Hong Kong</u>	214	2016

#### b. Mặt hàng xuất khẩu chính

No.	Các mặt hàng xuất khẩu chính	Giá trị	Số liệu năm
		Triệu USD	
1	Các mặt hàng may mặc, đan hoặc móc	6,110	2016
2	Giày dép	782	2016
3	Các mặt hàng may mặc, không đan hoặc móc	519	2016
4	Thiết bị điện, điện tử	434	2016
5	Phương tiện khác ngoài đường sắt, xe điện	354	2016
6	Ngũ cốc	307	2016
7	Ngọc trai, đá quý, kim loại, tiền xu	209	2016
8	Lông thú và lông nhân tạo	177	2016
9	Cao su	167	2016



10	Các mặt hàng da, ruột động vật,	150	2016
11	Nhựa	121	2016
12	Sản phẩm dệt may khác, bộ quần áo mặc	121	2016

#### 4. Nhập khẩu

##### a. Thị trường Nhập khẩu chính

TT	Campuchia nhập khẩu chính từ các thị trường	Giá trị	Số liệu năm
		(Triệu USD)	
1	<a href="#">China</a>	4,550	2016
2	<a href="#">Thailand</a>	1,910	2016
3	<a href="#">Vietnam</a>	1,420	2016
4	<a href="#">Singapore</a>	565	2016
5	<a href="#">Japan</a>	528	2016
6	<a href="#">Hong Kong</a>	517	2016
7	<a href="#">South Korea</a>	439	2016
8	<a href="#">Indonesia</a>	426	2016
9	<a href="#">Malaysia</a>	247	2016
10	<a href="#">United States</a>	174	2016
11	<a href="#">Germany</a>	163	2016
12	<a href="#">Denmark</a>	118	2016

##### b. Mặt hàng Nhập khẩu chính

	Các mặt hàng nhập khẩu chính	Giá trị Triệu USD	Số liệu năm
1	Vải dệt kim hoặc móc	2200	2016
2	Phương tiện khác ngoài đường sắt, xe điện	1140	2016
3	Nhiên liệu, dầu, sản phẩm chưng cất	1100	2016
4	Sợi xơ nhân tạo	972	2016
5	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi	882	2016
6	Thiết bị điện, điện tử	610	2016
7	Bông	446	2016
8	Nhựa	429	2016
9	Giấy và bìa, các mặt hàng bột giấy, giấy	299	2016
10	Ngọc trai, đá quý, kim loại, tiền xu	262	2016
11	Thuốc lá và các mặt hàng thuốc lá thay thế	231	2016

#### 5. Những điểm mạnh của Campuchia và những lý do nên đầu tư vào Campuchia.

Khi một nhà đầu tư đến với Campuchia, họ quan tâm đến các vấn đề sau





- +Sự ổn định chính trị: hiện nay Campuchia đã ổn định được chính trị.
- +Sự ổn định kinh tế vĩ mô, Campuchia cũng đã có được điều này mặc dù bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua. Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia chứ không riêng chỉ Campuchia. Ngoại trừ điều này, nền kinh tế Campuchia đang trong tình trạng tích cực.
- +Hành lang pháp lý vững chắc cho các doanh nghiệp, có nghĩa là các quy định quy tắc quốc tế cũng đang được thực hiện tại Campuchia.
- +Khả năng hội nhập vào thị trường quốc tế. Các nhà đầu tư đến Campuchia để sản xuất sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Châu Âu trên nền tảng Campuchia không bị rào cản về quota trên thị trường này. Đối với Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và các quốc gia lớn khác cũng vậy, toàn bộ đều là miễn thuế và không áp dụng quota. Bên cạnh đó, một vấn đề quan trọng khác là Campuchia có một chính sách thương mại hoàn toàn rộng mở.

## **6. Về một số hạn chế trong việc đầu tư kinh doanh tại Campuchia và những nỗ lực hiện tại của Chính phủ để khắc phục những hạn chế này.**

Người ta thường cho rằng Campuchia chỉ là một thị trường nhỏ. Campuchia chỉ có gần 15 triệu dân trong khi đó các nước láng giềng có tới 70-80 triệu dân, các nước phía Nam có tới hơn 200 triệu dân, và ở phía Bắc là hơn 1 tỷ. Khi các nhà đầu tư quan tâm đến khu vực, trong khi Campuchia cố gắng thu hút đầu tư thì họ lại chọn Thái Lan và Việt Nam vì các nước này có thị trường nội địa lớn hơn Campuchia. Vậy thì chúng ta cần phải mang đến cho các nhà đầu tư một cách kinh doanh khác tại Campuchia.

Một khó khăn nữa là cơ sở hạ tầng tại Campuchia vẫn chưa hoàn thiện. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, có thể thấy Chính phủ Campuchia đã cố gắng cải thiện cơ sở hạ tầng.

Campuchia còn gặp khó khăn về vấn đề giá điện. Tuy nhiên, các công trình thủy điện đã bắt đầu được triển khai xây dựng. Trong thời gian không đến 10 năm tới, nhiều nhà máy điện ở Pursat, Koh Kong và phía Đông Bắc Campuchia sẽ phát điện. Và vấn đề giá điện sẽ không còn là một khó khăn đối với các nhà đầu tư kinh doanh tại Campuchia.

Campuchia đang có một thế ưu tiên, đó là khả năng xâm nhập thị trường, trong khi đó các nước láng giềng lại không có ưu thế đó. Lào và Myanmar cũng có lợi thế như Campuchia, đó cũng là các nước kém phát triển, nhưng Lào không có cửa ra biển, còn Myanmar thì lại không có quyền xâm nhập thị trường các nước phát triển. Trong khối ASEAN, chỉ có Campuchia là có lợi thế lớn nhất để phát triển với tư cách là một nước kém phát triển.



### III. QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VỚI VIỆT NAM:

#### 1 – Văn bản đã ký kết:

- a. Hiệp định về Hợp tác kinh tế thương mại. (03/4/1994)
- b. Hiệp định về thành lập Ủy ban Hỗn hợp về kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật (03/4/1994).
- c. Hiệp định về Quá cảnh hàng hoá (03/4/1994)
- d. Hiệp định Thương mại mới (24/3/1998).
- e. Nghị định thư về Bán điện cho Campuchia (03/7/2000).
- f. Hiệp định về Hợp tác khoa học-kỹ thuật trong lĩnh vực Nông, Lâm, Ngư nghiệp (28/8/2000).
- g. Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (26/11/2001)
- h. Hiệp định mua bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ thương mại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (26/11/2001)
- i. Hiệp định Tương trợ tư pháp về lĩnh vực dân sự (21/1/2013)

#### 2 – Hợp tác Thương mại

Việt Nam xuất sang Campuchia: hàng dệt may, xăng dầu các loại, vật liệu xây dựng, tân dược, thực phẩm và hàng tiêu dùng. Việt Nam nhập từ Campuchia: hàng nông sản, cao su, sản phẩm nông nghiệp, nguyên phụ liệu dệt may da, gỗ và sản phẩm từ gỗ, vàng. Trong giai đoạn 2001-2012, kim ngạch hai chiều Việt Nam- Campuchia tăng trung bình 23%/năm. Từ 2013 – 2016, kim ngạch buôn bán hai chiều giảm sút, năm 2016 giảm sâu 13.2% so với 2015. Năm 2017 kim ngạch phát triển tốt, tăng 33% so với 2016 đạt mức 3.9 tỷ USD. Năm 2018, kim ngạch tiếp tục đạt mức tăng gần 21% so với 2017 đạt 4.7 tỷ USD.

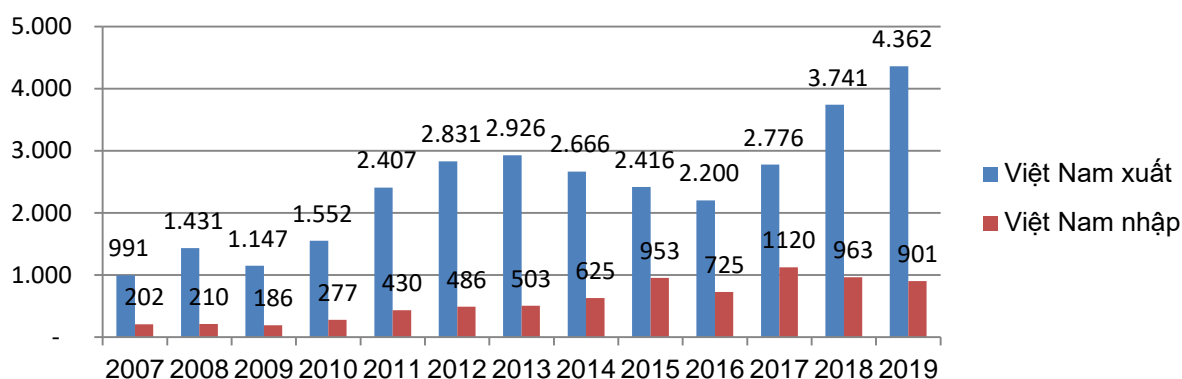
#### Kim ngạch buôn bán hàng năm với Việt Nam trong những năm qua: (Đơn vị tính : triệu USD)

Năm	Việt Nam xuất	Việt Nam nhập	Tổng kim ngạch	Mức tăng (%)	XK chiếm %
2008	1,430	209	1,640	37.5%	87.2%
2009	1,146	186	1,333	-18.7%	86%
2010	1,551	276	1,828	37.1%	84.8%
2011	2,406	429	2,836	55.1%	84.8%
2012	2,830	486	3,316	16.9%	85,3%
2013	2,926	503	3.430	3.4%	85,3%
2014	2,666	625	3,291	-4.03%	81.01%

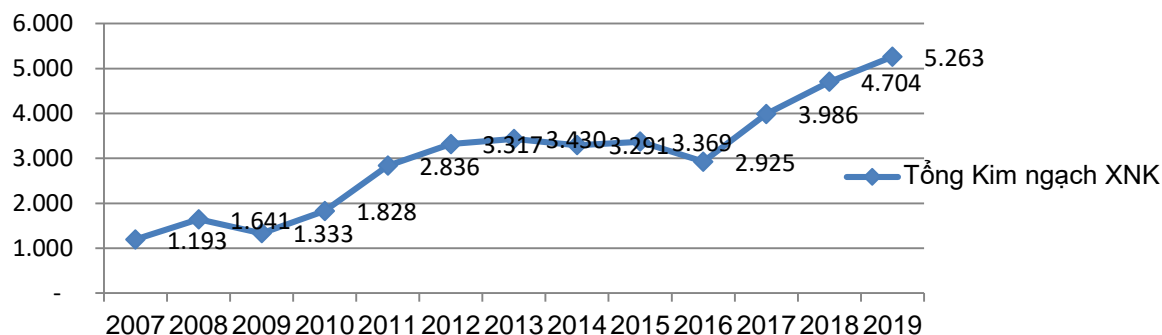


2015	2,416	953	3,369	2.37%	71.71%
2016	2,200	725	2,925	-13.18%	75.21%
2017	2,776	1,120	3,896	33.20%	71.25%
2018	3,741	963	4,704	20.74%	79.53%
2019	4,362	901	5,263	11.88%	82.88%

**Biểu đồ XK và NK giữa VN và Campuchia (đơn vị: triệu USD)**



**Biểu đồ tổng Kim ngạch XNK giữa VN và Campuchia (tính theo triệu USD)**



**Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính**

VN NK từ CAMPUCHIA	Giá trị ( triệu USD)	Thay đổi so với 2018(%)
Hạt điều	295	-1.67
Cao su	165	41.03
Rau quả	53	
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	32	-68.93
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	20	
Phế liệu sắt thép	18	-10.00



VN XK đi CAMPUCHIA	Giá trị ( triệu USD)	Thay đổi so với 2018 (%)
Sắt thép các loại	986	11.54
Hàng dệt may	604	24.02
Xăng dầu các loại	407	-15.73
Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	286	19.67
Sản phẩm từ sắt thép	160	
Sản phẩm từ chất dẻo	144	54.84
Phân bón các loại	113	-9.60
Kim loại thường khác và sản phẩm	108	

### 3. Tình hình đầu tư:

Tính đến hết năm 2019, Campuchia có 23 dự án với tổng số vốn đầu tư 64 triệu USD. Đứng thứ 54 trong số hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào VN, và đứng thứ 8 trong số các nước ASEAN đầu tư vào VN.

Tính riêng 2019, Campuchia có 14 dự án (bao gồm cả mới, tăng vốn và góp vốn mua cổ phần) đạt 5.66 triệu USD, đứng thứ 56 trong các quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư vào VN.

### 4. Triển vọng phát triển kinh tế-thương mại với Việt Nam trong những năm tới:

Campuchia là thị trường rất gần với Việt Nam, có 9 tỉnh biên giới chung, 9 cửa khẩu quốc tế, 9 cửa khẩu quốc gia, 30 cửa khẩu phụ và nhiều đường mòn, có địa hình tương đối bằng phẳng, hệ thống kênh rạch đi lại thuận lợi ở cả hai bên, khoảng cách từ TP. Hồ Chí Minh đến Phnôm Pênh chỉ có 230 km. Như vậy hai nước có nhiều điều kiện thuận lợi đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

Về kinh tế, quan hệ hợp tác giữa hai nước trong những năm qua đã được tăng cường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Trong những năm qua, hai nước đã tạo ra được một môi trường pháp lý thuận lợi về nhiều mặt thương mại, dành nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp và hàng hóa của nhau. Đặc biệt, các mặt hàng nông sản có xuất xứ Campuchia được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu 0% của Việt Nam. Các cơ chế, chính sách về quản lý các hoạt động thương mại biên giới đã được triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước. Kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước không ngừng tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Các quan chức Campuchia nói rằng giao thương hai nước còn nhiều dư địa. Năm 2016, Việt Nam hiện cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 toàn cầu (thứ 3 Châu Á) của Campuchia, chiếm 5% tổng giá trị XK của Campuchia. Việt Nam cũng là thị trường NK cực lớn của Campuchia



(đứng thứ 3, chỉ sau Thái Lan và Trung Quốc) với tổng giá trị lên đến 16.4% tổng giá trị nhập khẩu của Campuchia.

Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia vải vóc, dây cáp, các đồ gia dụng bằng nhựa, mỳ ăn liền và các phụ tùng thay thế đồ điện.

Campuchia xuất khẩu các hàng như cao su, nguyên liệu thô cho ngành may mặc, lá thuốc lá và các sản phẩm từ gỗ sang Việt Nam.

### 3. Tập quán Kinh doanh:

#### Giờ làm việc

- Giờ làm việc của cơ quan văn phòng thương mại: sáng từ 7 giờ 30 tới 12 giờ, chiều từ 13 giờ 30 tới 17 giờ.
- Các văn phòng chính phủ: sáng từ 7 giờ 30 tới 11 giờ 30, chiều từ 14 giờ tới 17 giờ 30.

#### Danh thiếp

- Nên trao đổi danh thiếp sau khi chào hỏi ban đầu
- Nếu có thể thì nên in một mặt của danh thiếp của bạn được dịch sang tiếng Khơ-me

#### Một số phong tục, tập quán văn hóa khác cần lưu ý

- Người Campuchia luôn coi trọng sự bình tĩnh trong mọi trường hợp. Nếu bạn không muốn mất lòng đối tác hoặc muốn công việc thuận lợi thì tốt nhất không nên biểu lộ sự bực tức.
- Tuyệt đối không được chạm vào đầu ai dù bạn chỉ muốn biểu lộ thái độ thân thiện vì ở Campuchia, hành động này được coi là sự sỉ nhục.
- Dùng chân chỉ vào đồ vật cũng bị coi là hành động khiếm nhã, không lịch thiệp.
- Nói to và các hoạt động náo nhiệt không được hoan nghênh còn mỉm cười và gật đầu sẽ mang lại sự thân thiện.
- Các cử chỉ, hành động biểu lộ tình cảm không được hoan nghênh nơi công cộng, đặc biệt là giữa những người khác giới.
- Người Campuchia có thói quen xia răng bằng một tay, tay còn lại dùng để che miệng.
- Mặc dù không phải là quy định song một món quà nhỏ có biểu tượng của công ty, một lời mời cho bữa ăn trưa hay tối rất được hoan nghênh.
- Chắp tay trước ngực và hơi cúi mình chào nhau thông dụng như việc bắt tay ở các dân tộc khác. Nữ luôn chào theo kiểu truyền thống nhưng nam giới thì có thể bắt tay. Người Campuchia không quá câu nệ, họ có thể chấp nhận người nước ngoài chào theo cách khác.



Tuy nhiên, trong các buổi gặp mặt trình trọng, hình thức thì chào theo kiểu truyền thống được coi là lịch sự và rất được hoan nghênh.

- Khi được người khác chào, bạn cần phải đáp lại, nếu không sẽ bị coi là rất bất lịch sự.
- Do khí hậu nóng ẩm nên chỉ cần mặc đơn giản trong hầu hết các trường hợp. Trong các cuộc gặp chính thức hoặc khi tham gia các nghi lễ, sự kiện thì càng mặc chỉnh tề, hình thức càng tốt. Quần shorts, áo ngắn, dép Sandals không được chấp nhận khi vào các cơ quan nhà nước cũng như những địa điểm tín ngưỡng, tôn giáo.
- Đối với nữ giới, cần lưu ý không nên mặc đồ quá ngắn, không dùng các loại vải trong, mỏng trong bất kỳ trường hợp nào.

#### **IV. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM**

##### **1. Quan hệ ngoại giao:**

Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức: 24/6/1967.

##### **2. Quan hệ chính trị:**

Hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 24/6/1967. Năm 2007, hai nước đã tổ chức nhiều hoạt động trọng thể kỷ niệm 40 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, sau một thời gian lãnh đạo đã tách ra thành 3 đảng độc lập (Đảng Lao động Việt Nam năm 1951; Đảng Nhân dân cách mạng Lào năm 1955; Đảng Nhân dân cách mạng Khmer năm 1951).

Từ 1954-1970, chính quyền Xi-ha-núc thực hiện chính sách hoà bình trung lập tích cực, từng bước có quan hệ tốt với các lực lượng cách mạng Việt Nam, ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước và thống nhất tổ quốc của Việt Nam. Tháng 3/1965, Hội nghị nhân dân các nước Đông Dương họp ở Phnôm Pênh, Mặt trận đoàn kết chống Mỹ của nhân dân các nước Đông Dương được hình thành.

Từ tháng 4/1975-7/1/1979: Chế độ diệt chủng Pôn-pốt cầm quyền ở Campuchia. Chúng thi hành chính sách thù địch với Việt Nam, gây ra nhiều cuộc xung đột ở khu vực biên giới Tây Nam và tiến hành cuộc chiến tranh biên giới chống Việt Nam.

Ngày 7/1/1979, nước Cộng hoà nhân dân Campuchia ra đời. Từ 1979-1989, quân đội Việt Nam ở Campuchia giúp nhân dân Campuchia ngăn chặn chế độ diệt chủng Pôn-pốt và giúp nhân dân Campuchia hồi sinh. Cuối 1989, Việt Nam rút hết quân khỏi Campuchia. Campuchia vừa long trọng kỷ niệm 30 năm ngày lật đổ Chế độ diệt chủng Khmer đỏ (7/1/1979-7/1/2009).



Việt Nam và CHND Campuchia đã ký Hiệp định về Vùng nước lịch sử năm 1982, Hiệp ước về Nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới quốc gia giữa hai nước năm 1983, Hiệp định về quy chế biên giới năm 1983, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam-Campuchia năm 1985; (nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Hun Xen tháng 10/2005, hai nước đã ký Hiệp ước Bổ sung Hiệp ước Hoạch định Biên giới Quốc gia năm 1985).

Tháng 10/1991, Việt Nam tham gia ký Hiệp định Pa-ri về Campuchia. Tháng 5/1993, Campuchia tiến hành Tổng tuyển cử do LHQ tổ chức bầu Quốc hội lập hiến, sau đó Chính phủ Hoàng gia Campuchia được thành lập.

Từ năm 1993 đến nay, quan hệ Việt Nam-Campuchia không ngừng được củng cố và phát triển về mọi mặt. Đặc biệt, tại chuyến thăm Campuchia của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tháng 3/2005, hai bên đã nhất trí phương châm phát triển quan hệ hai nước trong thời kỳ mới theo hướng “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”.

Hai bên thường xuyên trao đổi các chuyến thăm viếng lẫn nhau của lãnh đạo cấp cao hai nước như chuyến thăm Campuchia của Chủ tịch nước Trần Đại Quang (tháng 6/2016); Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân (tháng 9/2016); chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Samdech Hun Sen (tháng 12/2016)...

Hai bên đều nhận thức tầm quan trọng của việc bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mekong; tăng cường hợp tác với các nước trong khuôn khổ Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS), Ủy hội Sông Mekong (MRC), Tam giác Phát triển ba nước Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV) và hợp tác bốn nước Campuchia - Lào - Myanmar - Việt Nam (CLMV), Chiến lược Hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawady - Chao Phraya - Mekong (ACMECS)... Hai bên nhất trí sẽ tiếp tục tăng cường hợp tác trong khuôn khổ ASEAN, ASEM và các diễn đàn quốc tế khác.

## V. QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI VCCI

- Ngày 27 tháng 2 năm 2007, VCCI đã phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức đoàn Doanh nghiệp tháp tùng Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm chính thức Campuchia

## VI. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

### Cơ quan đại diện của Campuchia tại Việt Nam:

#### ❖ Đại sứ quán Campuchia tại Hà Nội:

Địa chỉ: 71 Trần Hưng Đạo,

[http://www.embassyofcambodia.org/other\\_embassies.html](http://www.embassyofcambodia.org/other_embassies.html)

**Ambassador: H.E. Mr. Chay Navuth**

**Tel: (844) 942 4789 / 942 4788**



**Fax:** (844) 942 3225

**E-mail:** [camemb.vnm@mfa.gov.kh](mailto:camemb.vnm@mfa.gov.kh)

❖ **Tổng lãnh sự quán Campuchia tại T.P Hồ Chí Minh:**

41 Phùng Khắc Khoan, Phường Đakao, Quận 1

Tel: 8292751; E-mail: cambocg@hcm.

**Mr. SIM Sokhom - Consul General**

Royal Consulate General of Cambodia

**Cơ quan đại diện của ta tại Campuchia:**

❖ **Đại Sứ quán Việt Nam tại Campuchia**

Địa chỉ: 436 Monivong Blvd, Khan Chamcarmon, Phnompenh.

**Đại sứ VN tại Campuchia: Ông Vũ Quang Minh**

Điện thoại: +85523726274

Fax: +85523726495 | Website:

Email: [ttcpc@mofa.gov.vn](mailto:ttcpc@mofa.gov.vn), [vnembpnh@angkornet.com.kh](mailto:vnembpnh@angkornet.com.kh)

**Tham tán Công sứ : Ông Lại Xuân Chiến**

❖ **Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sihanouk Ville**

Đ/c: Ekareach Str, Mitaphiep Dis

Tel: 00-855-933466; Email: [TLSQSIHA@camintel.com](mailto:TLSQSIHA@camintel.com)

❖ **Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Battambang**

Tel: 00-855-83370149; Email: [lsqvn.bat@camintel.com](mailto:lsqvn.bat@camintel.com)

❖ **Đại diện thương mại Việt Nam tại Campuchia:**

Đ/c: 67, Samdech Pan, Street 214 Phnompenh. Mobile: 855 23 12 852533

❖ **Đại diện hàng không Việt Nam tại Campuchia:**

41, Street 214, Phnom Penh, Tel: 855 23 215998

❖ **Đại diện du lịch/Công ty Du lịch Toserco**

429 Monivong, Phnompenh, Cambodia. Tel: 855 23 722 897.

❖ **Cambodia Chamber of Commerce**





Building No.7D, Russian Blvd, Sangkat Tek Laok 1, Khan Toul Kok, Phnom Penh, Cambodia

Tel: (+855) 23 880 795 Fax: (+855) 23 881 757

Email: [info@ccc.org.kh](mailto:info@ccc.org.kh)

❖ **Các nguồn thông tin tham khảo**

\*Website CIA – The World Factbook

\*Website Bộ Ngoại giao Việt Nam

\*Website Tổng cục Thống kê Việt Nam

\* Website Tổng cục Hải quan Việt Nam



**PHỤ LỤC THAM KHẢO**

**Bảng 1. Xuất khẩu VN – Campuchia**

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ  
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

**XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU**  
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
<b>CAMPUCHIA</b>			<b>387.891.197</b>		<b>4.362.050.697</b>
Hàng thủy sản	USD		5.524.250		47.672.819
Hàng rau quả	USD		584.267		3.366.666
Cà phê	Tấn	66	224.604	668	2.170.475
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		5.579.079		59.299.712
Thực ăn gia súc và nguyên liệu	USD		6.189.944		99.327.663
Clanhke và xi măng	Tấn	44.575	2.288.091	551.852	28.992.127
Xăng dầu các loại	Tấn	49.074	30.504.175	670.160	407.937.714
Hóa chất	USD		2.707.027		27.586.382
Sản phẩm hóa chất	USD		7.810.651		85.719.968
Phân bón các loại	Tấn	25.981	8.329.124	323.461	113.293.120
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	1.188	1.603.656	14.475	18.881.737
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		13.499.109		144.522.143
Sản phẩm từ cao su	USD		583.263		5.101.009
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		1.011.296		10.909.385
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		8.068.734		95.558.251
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	826	2.362.559	10.323	30.581.301
Hàng dệt, may	USD		58.043.587		604.402.857
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		28.285.826		286.476.723
Sản phẩm gốm, sứ	USD		2.661.748		20.426.604
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		232.742		5.674.714
Sắt thép các loại	Tấn	136.539	72.870.594	1.699.253	986.746.176
Sản phẩm từ sắt thép	USD		14.970.501		160.315.456
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		10.257.820		108.298.003
Điện thoại các loại và linh kiện	USD				243.155
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		9.406.977		103.139.016
Dây điện và dây cáp điện	USD		3.750.942		45.984.423
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		5.427.490		57.807.971
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	USD		670.178		7.297.246
Hàng hóa khác	USD		84.442.961		794.317.880



**Bảng 2. Nhập khẩu VN – Campuchia**

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ  
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

**NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU**  
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
<b>CAMPUCHIA</b>			<b>69.674.008</b>		<b>901.315.066</b>
Hàng thủy sản	USD				32.090
Hàng rau quả	USD		5.646.589		53.450.195
Hạt điều	Tấn	450	620.000	175.936	295.446.512
Đậu tương	Tấn	440	220.050	12.743	6.970.430
Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD				10.563.947
Cao su	Tấn	26.044	29.669.883	144.269	165.505.455
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		646.238		32.454.538
Vải các loại	USD		998.823		15.450.846
Phế liệu sắt thép	Tấn	8.795	2.398.720	58.883	18.096.386
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		1.663.249		20.020.321
Hàng hóa khác	USD		27.810.456		283.324.347